TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2026/QĐST-HNGĐ	*Nghệ An, ngày 20 tháng 3 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 87/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1990; CCCD: 040190018043

Địa chỉ: K H, phường V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: anh Trần Đình D, sinh năm 1984; CCCD: 040084006313.

Địa chỉ: K H, phường V, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Trần Thị Huyền T1, sinh ngày 13/11/2014 và Trần Đình T2, sinh ngày 08/5/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Trần Đình D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, kể từ tháng 4 năm 2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Trần Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi của con, người trực tiếp nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về khoản nợ: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình D thống nhất chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí trong số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000726 ngày 28/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1- Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tân Kỳ(nơi ĐKKH);
- Lưu: VP, Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy